

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

Lai Châu - Tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban nhân dân Lâm thời tỉnh Lai Châu.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2304000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần thứ nhất ngày 01/03/2006, thay đổi lần hai ngày 11/08/2014.

Trụ sở chính : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 22 Phường Đông Phong - Thành phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Vi Văn Chung	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện sau ngày khoá sổ nêu ở thuyết minh số 6.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc tại Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



The image shows a blue ink signature of Ngô Văn Giang. Below the signature is a red circular official stamp of Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu. The stamp contains the text: "PHƯỜNG TÂN PHONG TP. LAI CHÂU" and "UBND PHƯỜNG TÂN PHONG TP. LAI CHÂU". Below the stamp, the name "Ngô Văn Giang" is written in red ink.

Số 104/2016/VIETUS-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu, được lập ngày 30/03/2016, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 04/01/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công việc kiểm toán của chúng tôi nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành và các công trình đang trong quá trình đầu tư. Việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục cần thiết để kiểm toán các khoản phải thu với giá trị là 4.160.125.258 đồng; các khoản phải trả với giá trị 7.404.422.752 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty theo các yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 04 tháng 01 năm 2016 của Công ty.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa tiến hành kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ. Việc xác định khối lượng dở dang cuối kỳ dựa trên cơ sở ước tính các chi phí theo dự toán của các hợp đồng đang thực hiện dở dang. Dựa trên cơ sở đó, giá vốn được xác định để ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các ước tính về giá trị dở dang cuối kỳ và giá vốn ghi nhận trong kỳ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 04/01/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Huy Chiêu
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2015-160-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC TẠI HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Phạm Thị Thu
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1461-2016-160-1


Ngô Văn Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 04 tháng 01 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	04/01/2016	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		28.697.467.207	22.807.621.092
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.973.048.704	2.316.787.035
1. Tiền	111		4.973.048.704	2.316.787.035
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.003.848.755	5.972.390.780
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.486.891.744	4.508.242.952
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		673.233.514	444.133.692
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		31.871	31.871
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	843.691.626	1.019.982.265
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	7.700.054.644	6.267.558.202
1. Hàng tồn kho	141		7.700.054.644	6.267.558.202
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		11.020.515.104	8.250.885.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	149.048.209	169.547.171
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.871.466.895	8.033.101.381
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	48.236.523
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		212.759.371.917	165.957.710.675
II Tài sản cố định	220		209.829.319.038	35.226.043.700
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	209.786.770.434	35.176.620.092
- Nguyên giá	222		239.433.268.712	50.100.850.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.646.498.278)	(14.924.230.044)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	42.548.604	49.423.608
- Nguyên giá	228		55.000.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.451.396)	(5.576.392)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	2.534.785.194	130.328.881.887
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.534.785.194	130.328.881.887
VI Tài sản dài hạn khác	260		395.267.685	402.785.088
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	395.267.685	402.785.088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		241.456.839.124	188.765.331.767

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 04 tháng 01 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	04/01/2016	01/01/2015
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		24.228.992.576	21.277.943.171
I- Nợ ngắn hạn	310		18.476.446.294	13.282.833.058
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	6.395.055.665	4.842.814.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.009.367.087	600.000.717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.208.612.926	1.734.359
4. Phải trả người lao động	314		2.988.686.656	3.859.985.396
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	106.045.704	774.968.416
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	3.765.362.536	525.437.290
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	2.003.315.720	2.677.892.019
II- Nợ dài hạn	330		5.752.546.282	7.995.110.113
7. Phải trả dài hạn khác	337		443.365.363	443.365.363
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.13	5.309.180.919	7.551.744.750
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		217.227.846.548	167.487.388.596
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	217.227.846.548	167.487.388.596
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.164.255.012	20.390.091.172
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	312.500.156
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.899.329.894)	(5.956.803.833)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		962.921.430	152.741.601.101
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		241.456.839.124	188.765.331.767

Người lập

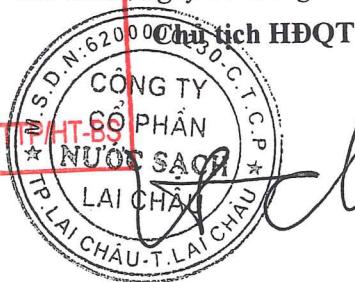
Đỗ Thúy An

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN PHONG
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày 27/01/2016
 Số CT: 1215 Quyển số: 02

Lai Châu, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Đỗ Thúy An



Vi Văn Chung



Ngô Văn Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Năm 2014
			từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	27.904.430.892	33.806.967.512
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	27.904.430.892	33.806.967.512
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	22.236.184.771	28.195.213.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.668.246.121	5.611.754.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	23.503.582	6.568.079
7. Chi phí tài chính	22	5.18	369.304.891	451.529.030
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		209.286.769	263.800.850
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	271.053.436	87.583.762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	5.077.926.879	4.665.725.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(26.535.503)	413.484.004
11. Thu nhập khác	31	5.21	345.000.431	4.837.369.886
12. Chi phí khác	32	5.21	19.054.142	5.034.388.238
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		325.946.289	(197.018.352)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		299.410.786	216.465.652
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	69.138.284	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		230.272.502	216.465.652

Người lập

Đỗ Thúy An

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN PHONG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 27-04-2016
Lai Châu, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng
Số CT: 1215... Quyền số: 02... CT/PH/TC/CS

Chủ tịch HĐQT




Đỗ Thúy An

Vì Văn Chung



Ngô Văn Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	299.410.786	216.465.652
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	3.267.960.057	2.348.665.620
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	160.018.122	187.728.180
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.503.582)	(6.568.079)
- Chi phí lãi vay	06	209.286.769	263.800.850
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.913.172.152	3.010.092.223
- Biến động các khoản phải thu	09	(1.821.586.966)	(6.480.518.934)
- Biến động hàng tồn kho	10	(1.432.496.442)	13.753.338.695
- Biến động các khoản phải trả	11	5.608.708.481	(9.300.380.558)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	28.016.365	(115.381.468)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(209.286.769)	(263.800.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.530.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	785.497.105
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(273.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.023.996.821	1.388.573.213
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(25.909.300.347)	(783.349.783)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.503.582	6.568.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.885.796.765)	(776.781.704)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	25.435.201.743	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.368.330.263	3.801.517.019
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.285.470.393)	(3.824.829.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.518.061.613	(23.312.331)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.656.261.669	588.479.178
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.316.787.035	1.728.307.857
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.973.048.704	2.316.787.035

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN PHONG
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày 27-04-2016

Lai Châu, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Đỗ Thúy An

Đỗ Thúy An

Vì Văn Chung



Ngô Văn Giang

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cấp phát nước tỉnh Lai Châu được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban nhân dân Lâm thời tỉnh Lai Châu.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2304000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần thứ nhất ngày 01/03/2006, thay đổi lần hai ngày 11/08/2014.

Trụ sở chính: Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 22 Phường Đông Phong - Thành phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu

Tổng số lao động tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 151 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2304000002 thay đổi lần thứ hai ngày 11/08/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch, Xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp nước, Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp, thoát nước, điện chuyên dụng, Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ, công trình điện từ 0,4KV - 35KV, Vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch; Vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện và Xây dựng các công trình dân dụng, hệ thống cấp nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ HOẠT ĐỘNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý hóa đơn tiền nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 08 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm có chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ, chi phí sửa chữa nhà xưởng được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 3 đến 36 tháng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu hoạt động cung cấp điện, nước doanh nghiệp đang thực hiện ghi nhận doanh thu căn cứ vào thời điểm xác nhận chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ và ghi trên hóa đơn tính tiền điện, nước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	210.555.186	1.669.684.600
Tiền gửi ngân hàng	4.762.493.518	647.102.435
Cộng	4.973.048.704	2.316.787.035

5.2 Phải thu khách hàng

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.486.891.744	4.508.242.952
Nguyễn Thị Hương (Điện NK= TM)	437.742.335	191.540.813
Công ty CP XD Thủy lợi Thủy điện Điện Biên	736.180.000	736.180.000
Công ty CP Quản lý Dự Án Sena	752.183.457	160.001.097
Ban QLDA thị xã Lai Châu	-	2.262.402.419
Phải thu của các khách hàng khác	1.560.785.952	1.158.118.623
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

5.3 Phải thu khác

	04/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	843.691.626	-	1.019.982.265	-
- Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	-	100.000.000	-
- Tạm ứng	237.536.779	-	860.332.441	-
- Phải thu khác	106.154.847	-	59.649.824	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	843.691.626	-	1.019.982.265	-

Chi tiết Phải thu khác

	04/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	106.154.847	-	59.649.824	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	39.155.302	-	54.087.000	-
Ban quản lý Dự án Công ty	56.464.766	-	3.828.465	-
Thuế TNCN	1.734.359	-	1.734.359	-
Phải thu khác	8.800.420	-	-	-
Cộng	106.154.847	-	59.649.824	-

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Hàng tồn kho

	04/01/2016		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	3.350.000	-	-	-
Chi phí SX KDDD	2.144.745.076	-	1.164.229.968	-
Hàng hóa	5.551.959.568	-	5.103.328.234	-
Cộng	7.700.054.644	-	6.267.558.202	-

5.5 Chi phí trả trước

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016		Năm 2014
	VND		VND
Tại ngày đầu năm	572.332.259	333.671.558	
Tăng trong năm	546.487.087	914.560.286	
Phân bổ vào chi phí trong năm	574.503.452	675.899.585	
Tại ngày cuối năm	544.315.894	572.332.259	
Chi tiết:	04/01/2016	01/01/2015	
	VND	VND	
a) Ngắn hạn	149.048.209	169.547.171	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	149.048.209	169.547.171	
b) Dài hạn	395.267.685	402.785.088	
- Chi phí công cụ dụng cụ	395.267.685	402.785.088	
Cộng	544.315.894	572.332.259	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÁP NƯỚC LAI CHÂU
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, chuyên dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	3.645.284.039	6.446.054.026	39.903.884.798	105.627.273	50.100.850.136
Tăng trong năm	137.537.505.425	9.758.322.801	-	83.932.617.757	231.228.445.983
Mua trong năm	-	-	-	16.203.966.841	16.203.966.841
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	137.369.975.935	129.454.264	-	-	137.499.430.199
Điều chỉnh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp	167.529.490	7.647.009.597	-	27.814.482.449	35.629.021.536
Phân loại lại	-	1.981.858.940	-	39.914.168.467	41.896.027.407
Giảm trong năm	2.752.315.943	-	39.143.711.464	-	41.896.027.407
Phân loại lại	2.752.315.943	-	39.143.711.464	-	41.896.027.407
Số dư tại 04/01/2016	138.430.473.521	16.204.376.827	760.173.334	84.038.245.030	239.433.268.712

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2015	1.069.190.801	4.428.475.839	9.379.998.266	46.565.138	14.924.230.044
Tăng trong năm	805.867.730	4.543.606.887	(168.801.892)	19.183.491.629	24.364.164.354
Khấu hao trong năm	684.838.937	516.751.233	59.231.460	2.000.263.423	3.261.085.053
Điều chỉnh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp	121.028.793	3.106.390.434	(228.033.352)	8.461.797.306	11.461.133.181
Phân loại lại	-	920.465.220	-	8.721.430.900	9.641.896.120
Giảm trong năm	955.705.936	-	8.686.190.184	-	9.641.896.120
Phân loại lại	955.705.936	-	8.686.190.184	-	9.641.896.120
Số dư tại 04/01/2016	919.352.595	8.972.082.726	525.006.190	19.230.056.767	29.646.498.278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	2.576.093.238	2.017.578.187	30.523.886.532	59.062.135	35.176.620.092
Tại ngày 04/01/2016	137.511.120.926	7.232.294.101	235.167.144	64.808.188.263	209.786.770.434

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	55.000.000	55.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 04/01/2016	55.000.000	55.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	5.576.392	5.576.392
Tăng trong năm	6.875.004	6.875.004
Khấu hao trong năm	6.875.004	6.875.004
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 04/01/2016	12.451.396	12.451.396
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	49.423.608	49.423.608
Tại 04/01/2016	42.548.604	42.548.604

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
<i>a) Chi mua sắm</i>	-	-
<i>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</i>	2.534.785.194	130.328.881.887
Dự án hệ thống xử lý và cấp nước sinh hoạt thị trấn Phong Thổ	-	13.762.602.000
Dự án hệ thống xử lý và cấp nước sinh hoạt Ma Lù Thàng	-	13.397.253.795
Hệ thống cấp nước thị xã giai đoạn I	-	15.412.983.793
Hệ thống cấp nước thị xã giai đoạn II	-	87.578.461.479
Sửa chữa nhà làm việc chi nhánh Than Uyên	39.800.832	39.800.832
Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc CN Tam Đường	-	50.106.579
Xây dựng các hạng mục phụ trợ trạm xử lý nước Tà Lèng và Chi nhánh nước thành phố	-	67.274.221
Xây dựng hố van tuyến ống TTK 25 CN Nước Tam Đường	-	20.399.188
Cấp nước sinh hoạt Thị trấn Sìn Hồ	2.494.984.362	-
<i>c) Chi sửa chữa</i>	-	-
Cộng	2.534.785.194	130.328.881.887

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán

	04/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	6.395.055.665	6.395.055.665	4.842.814.861	4.842.814.861
Hợp tác xã Trang Nam	180.074.400	180.074.400	-	-
Công Ty TNHH I Thành Viên Linh Lâm	65.373.000	65.373.000	163.551.810	163.551.810
Công Ty Cổ Phần TM & Môi Trường Việt Nam	1.078.004.000	1.078.004.000	-	-
Công ty CPHAWACO	74.053.700	74.053.700	405.011.820	405.011.820
Công ty liên doanh Hóa Nhựa Đệ Nhất - CN Hải Dương	3.122.725.538	3.122.725.538	3.122.725.538	3.122.725.538
Đối tượng khác	1.874.825.027	1.874.825.027	1.151.525.693	1.151.525.693
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.395.055.665	6.395.055.665	4.842.814.861	4.842.814.861
Trong đó:				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	04/01/2016
Phải nộp	1.734.359	4.170.239.597	1.963.361.030	2.208.612.926
Thuế GTGT	-	2.155.143.268	1.845.594.507	309.548.761
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.008.096.329	110.766.523	1.897.329.806
Thuế thu nhập cá nhân	1.734.359	-	-	1.734.359
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phải thu	48.236.523	-	48.236.523	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	48.236.523	-	48.236.523	-
Cộng	49.970.882	4.170.239.597	2.011.597.553	2.208.612.926

5.11 Chi phí phải trả

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	106.045.704	774.968.416
Nhân công Công trình Cấp nước sinh hoạt Thị trấn Sìn Hồ	65.523.723	536.429.184
Hệ thống đường nước Khu dân cư số 6 Giai đoạn II	40.521.981	40.521.981
Tuyến ống cấp I, Khu dân cư số 1 bản Đông Pao	-	176.427.399
Trạm xử lý nước Nùng Nàng	-	21.589.852
b) Dài hạn	-	-
Cộng	106.045.704	774.968.416

5.12 Phải trả khác

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.765.362.536	525.437.290
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	256.096.069
Bảo hiểm xã hội	27.839.005	241.819.760
Bảo hiểm y tế	-	19.077.763
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.443.698
Phải trả về cổ phần hoá	3.737.523.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	531	-
b) Dài hạn	443.365.363	443.365.363
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	443.365.363	443.365.363
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	4.208.727.899	968.802.653

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2015		Trong năm		04/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	2.677.892.019	2.677.892.019	4.074.651.815	4.749.228.114	2.003.315.720	2.003.315.720
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu	1.501.517.019	1.501.517.019	2.895.498.394	3.751.590.933	645.424.480	645.424.480
Vay cá nhân	300.000.000	300.000.000	650.000.000	300.000.000	650.000.000	650.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	876.375.000	876.375.000	529.153.421	697.637.181	707.891.240	707.891.240
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.551.744.750	7.551.744.750	293.678.448	2.536.242.279	5.309.180.919	5.309.180.919
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu						
- Từ 1 năm đến 5 năm	7.551.744.750	7.551.744.750	293.678.448	2.536.242.279	5.309.180.919	5.309.180.919
Cộng	10.229.636.769	10.229.636.769	4.368.330.263	7.285.470.393	7.312.496.639	7.312.496.639

Thông tin khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay vốn ODA số 08/2013/HDODA-NHPT.LCH ngày 07/06/2013 ký giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lai Châu và Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu:

- Dự án vay vốn: Cấp nước thị xã Lai Châu
- Mục đích: Sử dụng để thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị của dự án theo Quyết định đầu tư số 1003/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 về việc phê duyệt XD đầu tư Công trình cấp nước thị xã Lai Châu
- Số tiền vay: 410.001 USD
- Kỳ trả gốc đầu tiên là 25/12/14
- Kỳ trả gốc 6 tháng 1 lần
- Lãi suất 0,42%/năm tính trên dư nợ.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 Vốn chủ sở hữu

Mẫu B 09-DN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2014	25.007.514.870	147.741.183	89.722.973	(6.005.880.151)	43.856.811.867	63.095.910.742
Tăng trong năm	3.959.797.222	56.277.000	18.759.000	216.465.652	108.884.789.234	113.136.088.108
Tăng vốn	3.959.797.222	-	-	-	108.884.789.234	112.844.586.456
Trích lập các quỹ	-	56.277.000	18.759.000	-	-	75.036.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	216.465.652	-	216.465.652
Giảm trong năm	8.577.220.920	-	-	167.389.334	-	8.744.610.254
Giảm khác	8.577.220.920	-	-	167.389.334	-	8.744.610.254
Số dư tại 31/12/2014	20.390.091.172	204.018.183	108.481.973	(5.956.803.833)	152.741.601.101	167.487.388.596
Số dư tại 01/01/2015	20.390.091.172	204.018.183	108.481.973	(5.956.803.833)	152.741.601.101	167.487.388.596
Tăng trong năm	197.774.164.085	108.481.973	-	230.272.502	27.657.705.158	225.770.623.718
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	230.272.502	-	230.272.502
Điều chỉnh giá trị doanh nghiệp	197.774.164.085	-	-	-	-	197.774.164.085
Tăng vốn (*)	-	-	-	-	27.657.705.158	27.657.705.158
Điều chuyển theo Thông tư 200	-	108.481.973	-	-	-	108.481.973
Giảm trong năm	245	312.500.156	108.481.973	(3.827.201.437)	179.436.384.829	176.030.165.766
Điều chỉnh giá trị doanh nghiệp	245	312.500.156	-	(6.129.347.243)	179.436.384.829	173.619.537.987
Điều chuyển theo Thông tư 200	-	-	108.481.973	-	-	108.481.973
Thuế phải nộp theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 2/12/2015	-	-	-	2.302.145.806	-	2.302.145.806
Số dư tại 04/01/2016	218.164.255.012	-	-	(1.899.329.894)	962.921.430	217.227.846.548

(*): Tăng vốn nhận cấp phát thanh toán từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu	27.904.430.892	33.806.967.512
Doanh thu hoạt động xây dựng	8.269.225.670	15.877.112.345
Doanh thu cung cấp dịch vụ điện, nước	19.635.205.222	17.929.855.167
Cộng	27.904.430.892	33.806.967.512
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	27.904.430.892	33.806.967.512

5.16 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	22.236.184.771	28.195.213.107
Cộng	22.236.184.771	28.195.213.107

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	23.503.582	6.568.079
Cộng	23.503.582	6.568.079

5.18 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	209.286.769	263.800.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá	160.018.122	187.728.180
Cộng	369.304.891	451.529.030

5.19 Chi phí bán hàng

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	9.966.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.303.436	29.700.000
Chi phí bằng tiền khác	28.750.000	47.917.524
Cộng	271.053.436	87.583.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.293.601.511	2.793.083.208
Chi phí đồ dùng văn phòng	230.964.421	222.470.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	159.184.080	125.629.131
Thuế phí và lệ phí	7.000.000	8.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.126.528.706	1.223.371.633
Chi phí bằng tiền khác	260.648.161	292.670.750
Cộng	5.077.926.879	4.665.725.688

5.21 Thu nhập/Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Xử lý số dư Lương không phải trả	-	4.365.163.034
Xử lý công nợ phải trả	-	336.600.159
Xử lý hàng thừa không rõ nguyên nhân	256.096.069	-
Các khoản khác	88.904.362	135.606.693
Cộng	345.000.431	4.837.369.886
<i>Chi phí khác</i>		
Xử lý số dư Chi phí SXKD dở dang	-	1.598.667.414
Xử lý số dư Hàng tồn kho	-	2.708.392.662
Xử lý số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	192.040.377
Chi phí phạt vi phạm hành chính	14.854.142	326.281.971
Các khoản khác	4.200.000	209.005.814
Cộng	19.054.142	5.034.388.238
Lợi nhuận khác	325.946.289	(197.018.352)

5.22 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	69.138.284	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	69.138.284	-

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.863.195.859	7.837.293.952
Chi phí nhân công	13.670.735.896	12.740.841.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.267.960.057	2.347.529.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.843.593.111	3.470.061.876
Chi phí khác bằng tiền	793.994.343	588.271.796
Cộng	24.439.479.266	26.983.998.826

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 05/01/2016, Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 6200000230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 05/01/2016.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu bởi Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Một số khoản mục đầu năm đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015 Theo Thông tư 200 VND	Tại ngày 01/01/2015 Theo Quyết Định 15 (VND)Chênh lệch VND
----------	---	--

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

A. Phần Tài sản	1.019.982.265	1.019.982.265	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.019.982.265	159.649.824	(860.332.441)
Tài sản ngắn hạn khác		860.332.441	860.332.441
B. Phần Nguồn vốn	(312.500.156)	(312.500.156)	-
Quỹ đầu tư phát triển	(312.500.156)	(204.018.183)	108.481.973
Quỹ dự phòng tài chính		(108.481.973)	(108.481.973)

Số CT 1.2.1.6 Quyển số 02... ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Đỗ Thúy An

Đỗ Thúy An

Vi Văn Chung



Ngo Văn Giang